VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 36/2017/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư ban hành Danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2018. Thông tư này làm căn cứ để các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các quy định trong giáo dục nghề nghiệp liên quan đến các ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Thông tư số 20/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các

cơ sở giáo dục có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có những ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm mới phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn hoặc bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quân

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ HỌC NẶNG NHỌC, ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

- Mã cấp I - Trình độ đào tạo: 01 chữ số
- Mã cấp II - Lĩnh vực đào tạo: 03 chữ số
- Mã cấp III - Nhóm ngành, nghề: 05 chữ số
- Mã cấp IV - Tên ngành, nghề: 07 chữ số

TRUNG CẤP		**CAO ĐẲNG**	
Mã số	**Tên gọi**	**Mã số**	**Tên gọi**
5	**Trình độ trung cấp**	**6**	**Trình độ cao đẳng**
521	**Nghệ thuật**	**621**	**Nghệ thuật**
52104	***Mỹ thuật ứng dụng***	***62104***	***Mỹ thuật ứng dụng***
5210407	Đúc, dát đồng mỹ nghệ	6210407	Đúc, dát đồng mỹ nghệ
5210408	Chạm khắc đá	6210408	Chạm khắc đá
5210422	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc	6210422	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc
551	**Công nghệ kỹ thuật**	**651**	**Công nghệ kỹ thuật**
55101	***Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng***	***65101***	***Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng***
5510109	Xây dựng công trình thủy	6510109	Xây dựng công trình thủy
5510112	Lắp đặt cầu	6510112	Lắp đặt cầu
5510113	Lắp đặt giàn khoan	6510113	Lắp đặt giàn khoan
5510114	Xây dựng công trình thủy điện		
5510115	Xây dựng công trình mỏ		
5510116	Kỹ thuật xây dựng mỏ	6510116	Kỹ thuật xây dựng mỏ
55102	***Công nghệ kỹ thuật cơ khí***	***65102***	***Công nghệ kỹ thuật cơ khí***
5510204	Công nghệ kỹ thuật đóng mới thân tàu biển	6510204	Công nghệ kỹ thuật đóng mới thân tàu biển

TRUNG CẤP		CAO ĐẲNG	
Mã số	**Tên gọi**	**Mã số**	**Tên gọi**
5510205	Công nghệ kỹ thuật vỏ tàu thủy		
5510213	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thuỷ	6510213	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy
55104	***Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường***	***65104***	***Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường***
5510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	6510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học
5510402	Công nghệ hóa hữu cơ		
5510403	Công nghệ hóa vô cơ		
5510404	Hóa phân tích		
5510405	Công nghệ hóa nhựa		
5510406	Công nghệ hóa nhuộm	6510406	Công nghệ hóa nhuộm
5510407	Công nghệ hóa Silicat		
5510408	Công nghệ điện hóa		
5510409	Công nghệ chống ăn mòn kim loại	6510409	Công nghệ chống ăn mòn kim loại
5510410	Công nghệ mạ	6510410	Công nghệ mạ
5510411	Công nghệ sơn		
5510412	Công nghệ sơn tĩnh điện	6510412	Công nghệ sơn tĩnh điện
5510413	Công nghệ sơn điện di		
5510414	Công nghệ sơn ô tô		
5510415	Công nghệ sơn tàu thủy	6510415	Công nghệ sơn tàu thủy
55105	***Công nghệ sản xuất***	***65105***	***Công nghệ sản xuất***
5510505	Công nghệ sản xuất ván nhân tạo	6510505	Công nghệ sản xuất ván nhân tạo
5510507	Sản xuất vật liệu hàn	6510507	Sản xuất vật liệu hàn
5510508	Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp	6510508	Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp
5510509	Sản xuất các chất vô cơ	6510509	Sản xuất các chất vô cơ
5510510	Sản xuất sản phẩm giặt tẩy	6510510	Sản xuất sản phẩm giặt tẩy
5510511	Sản xuất phân bón	6510511	Sản xuất phân bón
5510512	Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	6510512	Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật
5510513	Sản xuất sơn	6510513	Sản xuất sơn
5510514	Sản xuất xi măng	6510514	Sản xuất xi măng
5510516	Sản xuất gạch Ceramic		

TRUNG CẤP		CAO ĐẲNG	
Mã số	**Tên gọi**	**Mã số**	**Tên gọi**
5510517	Sản xuất gạch Granit		
5510518	Sản xuất đá bằng cơ giới		
5510519	Sản xuất vật liệu chịu lửa		
5510521	Sản xuất bê tông nhựa nóng		
5510522	Sản xuất sứ xây dựng	6510522	Sản xuất sứ xây dựng
5510525	Sản xuất pin, ắc quy	6510525	Sản xuất pin, ắc quy
5510535	Sản xuất tấm lợp Fibro xi măng		
5510536	Sản xuất gốm xây dựng	6510536	Sản xuất gốm xây dựng
55109	***Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa***	***65109***	***Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa***
5510915	Khoan thăm dò địa chất	6510915	Khoan thăm dò địa chất
55110	***Công nghệ kỹ thuật mỏ***	***65110***	***Công nghệ kỹ thuật mỏ***
5511003	Khai thác mỏ		
5511004	Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò	6511004	Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò
5511005	Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên		
5511006	Vận hành thiết bị sàng tuyển than	6511006	Vận hành thiết bị sàng tuyển than
5511007	Vận hành thiết bị sàng tuyển quặng kim loại	6511007	Vận hành thiết bị sàng tuyển quặng kim loại
5511008	Khoan nổ mìn	6511008	Khoan nổ mìn
5511009	Khoan đào đường hầm	6511009	Khoan đào đường hầm
5511010	Khoan khai thác mỏ	6511010	Khoan khai thác mỏ
5511011	Vận hành thiết bị mỏ hầm lò	6511011	Vận hành thiết bị mỏ hầm lò
5511012	Vận hành trạm khí hóa than	6511012	Vận hành trạm khí hóa than
5511013	Vận hành, sửa chữa trạm xử lý nước thải mỏ hầm lò	6511013	Vận hành, sửa chữa trạm xử lý nước thải mỏ hầm lò
552	**Kỹ thuật**	**652**	**Kỹ thuật**
55201	***Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật***	***65201***	***Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật***
5520104	Chế tạo thiết bị cơ khí	6520104	Chế tạo thiết bị cơ khí
5520107	Gia công và lắp dựng kết cấu thép	6520107	Gia công và lắp dựng kết cấu thép
5520113	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6520113	Lắp đặt thiết bị cơ khí

TRUNG CẤP		CAO ĐẲNG	
Mã số	**Tên gọi**	**Mã số**	**Tên gọi**
5520121	Cắt gọt kim loại	6520121	Cắt gọt kim loại
5520122	Gò	6520122	Gò
5520123	Hàn	6520123	Hàn
5520124	Rèn, dập	6520124	Rèn, dập
5520126	Nguội sửa chữa máy công cụ	6520126	Nguội sửa chữa máy công cụ
5520129	Sửa chữa, vận hành tàu cuốc		
5520130	Sửa chữa máy tàu biển	6520130	Sửa chữa máy tàu biển
5520131	Sửa chữa máy tàu thủy	6520131	Sửa chữa máy tàu thủy
5520139	Sửa chữa thiết bị mỏ hầm lò	6520139	Sửa chữa thiết bị mỏ hầm lò
5520141	Sửa chữa thiết bị hóa chất	6520141	Sửa chữa thiết bị hóa chất
5520144	Sửa chữa thiết bị chế biến dầu khí	6520144	Sửa chữa thiết bị chế biến dầu khí
5520161	Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ giới hạng nặng		
5520176	Bảo trì và sửa chữa thiết bị hóa chất		
5520182	Vận hành cần, cầu trục	6520182	Vận hành cần, cầu trục
5520183	Vận hành máy thi công nền	6520183	Vận hành máy thi công nền
5520184	Vận hành máy thi công mặt đường	6520184	Vận hành máy thi công mặt đường
5520185	Vận hành máy xây dựng	6520185	Vận hành máy xây dựng
5520186	Vận hành máy đóng cọc và khoan cọc nhồi		
5520188	Vận hành, sửa chữa máy thi công đường sắt	6520188	Vận hành, sửa chữa máy thi công đường sắt
5520189	Vận hành, sửa chữa máy tàu cá	6520189	Vận hành, sửa chữa máy tàu cá
5520191	Điều khiển tàu cuốc	6520191	Điều khiển tàu cuốc
55202	***Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông***	***65202***	***Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông***
5520204	Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò	6520204	Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò
5520256	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên	6520256	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên

TRUNG CẤP		CAO ĐẲNG	
Mã số	**Tên gọi**	**Mã số**	**Tên gọi**
5520257	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 110KV trở xuống	6520257	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 110KV trở xuống
55203	***Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường***	***65203***	***Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường***
5520301	Luyện gang	6520301	Luyện gang
5520302	Luyện thép	6520302	Luyện thép
5520303	Luyện kim đen		
5520304	Luyện kim màu	6520304	Luyện kim màu
5520305	Luyện Ferro hợp kim	6520305	Luyện Ferro hợp kim
5520306	Xử lý chất thải công nghiệp và y tế		
5520307	Xử lý chất thải trong công nghiệp đóng tàu	6520307	Xử lý chất thải trong công nghiệp đóng tàu
5520308	Xử lý chất thải trong sản xuất thép	6520308	Xử lý chất thải trong sản xuất thép
5520309	Xử lý nước thải công nghiệp	6520309	Xử lý nước thải công nghiệp
5520310	Xử lý chất thải trong sản xuất cao su	6520310	Xử lý chất thải trong sản xuất cao su
5520311	Kỹ thuật thoát nước và xử lý nước thải	6520311	Kỹ thuật thoát nước và xử lý nước thải
55290	***Khác***	***65290***	***Khác***
5529001	Kỹ thuật lò hơi	6529001	Kỹ thuật lò hơi
5529002	Kỹ thuật tua bin	6529002	Kỹ thuật tua bin
5529012	Lặn trục vớt	6529012	Lặn trục vớt
5529013	Lặn nghiên cứu khảo sát	6529013	Lặn nghiên cứu khảo sát
5529015	Lặn thi công	6529015	Lặn thi công
554	**Sản xuất và chế biến**	**654**	**Sản xuất và chế biến**
55401	***Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống***	***65401***	***Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống***
5540113	Công nghệ kỹ thuật sản xuất muối		
5540114	Sản xuất muối từ nước biển		

TRUNG CẤP		CAO ĐẲNG	
Mã số	**Tên gọi**	**Mã số**	**Tên gọi**
558	**Kiến trúc và xây dựng**	**658**	**Kiến trúc và xây dựng**
55802	***Xây dựng***	***65802***	***Xây dựng***
5580201	Kỹ thuật xây dựng	6580201	Kỹ thuật xây dựng
5580203	Xây dựng cầu đường		
5580205	Xây dựng cầu đường bộ	6580205	Xây dựng cầu đường bộ
5580207	Cốp pha - giàn giáo		
5580208	Cốt thép - hàn		
5580209	Nề - Hoàn thiện		
562	**Nông, lâm nghiệp và thủy sản**	**662**	**Nông, lâm nghiệp và thủy sản**
56201	***Nông nghiệp***	***66201***	***Nông nghiệp***
5620116	Bảo vệ thực vật	6620116	Bảo vệ thực vật
584	**Dịch vụ vận tải**	**684**	**Dịch vụ vận tải**
58401	***Khai thác vận tải***	***68401***	***Khai thác vận tải***
5840108	Điều khiển phương tiện thủy nội địa	6840108	Điều khiển phương tiện thủy nội địa
5840109	Điều khiển tàu biển	6840109	Điều khiển tàu biển
5840110	Khai thác máy tàu biển	6840110	Khai thác máy tàu biển
5840111	Khai thác máy tàu thủy	6840111	Khai thác máy tàu thủy
5840112	Vận hành máy tàu thủy	6840112	Vận hành khai thác máy tàu
5840123	Điều khiển tàu hỏa		
5840124	Lái tàu đường sắt	6840124	Lái tàu đường sắt
585	**Môi trường và bảo vệ môi trường**	**685**	**Môi trường và bảo vệ môi trường**
58501	***Kiểm soát và bảo vệ môi trường***	***68501***	***Kiểm soát và bảo vệ môi trường***
5850110	Xử lý rác thải	6850110	Xử lý rác thải